

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2026/DS-ST
Ngày 14-5-2026
V/v Tranh chấp tiền lãi trong hợp
đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lành Thị Vệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Phương;
Bà Chu Mai Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Choi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 -
Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn tham gia
phiên tòa:** Ông Ma Văn Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng
Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2026/TLST-DS ngày 05 tháng
01 năm 2026 về Tranh chấp tiền lãi trong hợp đồng vay tài sản theo Quyết định
đưa vụ án ra xét xử số: 09/2026/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2026, giữa
các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1970; số căn cước công dân:
020070000590, cấp ngày 08/4/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính
về trật tự xã hội – Bộ C; địa chỉ: Thôn A, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1977, số căn cước công dân: 019177000864,
cấp ngày 08/4/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội
– Bộ C; địa chỉ: Thôn A, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị đơn: Ông Tàng Văn M1, sinh năm 1991; nơi đăng ký hộ khẩu thường
trú: Thôn N, xã K, tỉnh Lạng Sơn; hiện đang chấp hành án tại Trại tạm giam N –
Bộ C thuộc xã T, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Văn H; có mặt.

2. Ông Ma Văn Q; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/11/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị M cùng trình bày: Vợ chồng ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M có quen biết với ông Tàng Văn M1. Năm 2016, ông Tàng Văn M1 cùng ông Ma Văn Q và ông Nguyễn Văn H đến nhà ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M đặt vấn đề nhờ ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M đứng tên vay tiền ngân hàng giúp ông Tàng Văn M1 số tiền 500.000.000 đồng để kinh doanh. Do chỗ quen biết và có ông Ma Văn Q làm chứng nên vợ chồng ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M tin tưởng và đồng ý với đề nghị của ông Tàng Văn M1.

Ngày 26/10/2016, vợ chồng ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M đã ký hợp đồng tín dụng để vay với Ngân hàng N1 (A) chi nhánh huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn số tiền 1.000.000.000 đồng trong thời hạn 05 năm, lãi suất 12%/năm, thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (nhà ở) của gia đình tại khu A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, nay là thôn A, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi vay được tiền, ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M có gọi điện thoại cho ông Tàng Văn M1, ông Ma Văn Q và ông Nguyễn Văn H đến nhận tiền.

Ngày 27/10/2016, tại nhà ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M, ông Tàng Văn M1 có vay của ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M số tiền 500.000.000 đồng, thỏa thuận miệng lãi suất tính theo lãi suất ngân hàng là 12%/năm dựa theo số tiền gốc vay. Ông Tàng Văn M1 đã đếm và nhận đủ số tiền nêu trên, có ông Ma Văn Q và ông Nguyễn Văn H làm chứng, ngoài ra không làm thủ tục giấy tờ gì liên quan đến việc vay tiền.

Sau khi vay tiền, thời gian đầu ông Tàng Văn M1 có thanh toán tiền lãi cho ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M đầy đủ theo thỏa thuận, sau đó thì ông Tàng Văn M1 trả chậm và không đầy đủ. Ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M có yêu cầu ông Tàng Văn M1 phải có tài sản đưa cho ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M để đảm bảo cho khoản vay, cuối tháng 12/2016, ông Tàng Văn M1 đã giao 01 Giấy đăng ký xe ô tô bán tải nhãn hiệu Mazda biển kiểm soát 12C-053.41 của ông Tàng Văn M1 cho ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M giữ để làm tin.

Ngày 26/3/2017, ông Tàng Văn M1 và ông Ma Văn Q đến nhà ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M. Ông Tàng Văn M1 nhờ ông Ma Văn Q viết “Giấy vay tiền” ghi ngày viết là ngày 29/02/2017 với nội dung xác nhận lại việc ông Tàng Văn M1 và ông Nguyễn Văn H có vay 1.000.000.000 đồng để kinh doanh buôn bán lợn thương phẩm. Ông Tàng Văn M1 để lại 01 Giấy đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 12C-053.41 của Tàng Văn M1 để làm tin; nay Tàng Văn M1 xin lấy lại Giấy đăng ký xe trên và cam kết đến ngày 27/4/2017 sẽ trả tiền cho bà Nguyễn Thị M. Ông Tàng Văn M1 đã ký và ghi rõ họ tên tại phần người vay tiền. Vì tin tưởng nên ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M đã giao lại Giấy đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 12C-053.41 cho ông Tàng Văn M1. Sau đó ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M được biết ông Tàng Văn M1 đã bán chiếc xe này cho anh Hoàng Trung D với giá 720.000.000 đồng nhưng ông Tàng Văn M1

không trả tiền gốc và lãi cho vợ chồng ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M như đã thỏa thuận. Ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M đã nhiều lần yêu cầu ông Tàng Văn M1 trả tiền gốc và tiền lãi nhưng ông Tàng Văn M1 cố tình không trả.

Ngày 28/9/2018, ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M yêu cầu ông Tàng Văn M1 đến nhà để viết giấy nhận nợ. Tại nhà ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M, ông Tàng Văn M1 có nhờ ông Ma Văn Q viết “Giấy nhận nợ” với nội dung xác nhận số tiền ông Tàng Văn M1 nợ ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M tổng cộng là 569.000.000 đồng, gồm 500.000.000 đồng tiền gốc và 69.000.000 đồng tiền lãi theo thỏa thuận. ông Tàng Văn M1 đã ký tên xác nhận và điểm chỉ.

Thời gian sau đó, vợ chồng ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M tiếp tục đòi nợ thì Tàng Văn M1 không thừa nhận việc vay tiền. Do đó, ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M đã viết đơn đến các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/4/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã mở phiên tòa xét xử Tàng Văn M1 về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Tại phiên tòa ông M1 đã thừa nhận có được vay số tiền 500.000.000 đồng của vợ chồng ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M, tiền lãi tính theo lãi suất ngân hàng là 01%/tháng. Tòa án đã xử phạt Tàng Văn M1 mức án 12 năm 06 tháng tù và đã buộc ông M1 phải bồi thường cho vợ chồng ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M số tiền 500.000.000 đồng là tiền gốc đã vay. Đến tháng 7 năm 2025 ông Tàng Văn M1 đã trả lại cho vợ chồng ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M số tiền này.

Theo đơn khởi kiện ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Lạng Sơn xem xét buộc ông Tàng Văn M1 phải trả cho vợ chồng ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M số tiền 69.000.000 đồng như đã thỏa thuận trong giấy nhận nợ và số tiền lãi hàng tháng theo lãi suất ngân hàng 1%/tháng tính trên số tiền gốc vay 500.000.000 đồng là 5.000.000 đồng/tháng, thời gian tính từ tháng 10 năm 2018 đến tháng 7 năm 2025 là 84 tháng nhân với số tiền 5.000.000 đồng/tháng bằng 420.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi của khoản vay ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M yêu cầu Tòa án buộc ông Tàng Văn M1 thanh toán là 489.000.000 đồng. Tại phiên tòa ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu Tàng Văn M1 phải trả số tiền lãi 69.000.000 đồng tính đến thời điểm chốt nợ ngày 28/9/2018 và thay đổi về thời hạn tính lãi suất 1% sau thời điểm chốt nợ ngày 28/9/2018, cụ thể là yêu cầu Tàng Văn M1 phải trả khoản tiền lãi 1% của khoản nợ gốc 500.000.000 đồng từ ngày 1/10/2018 đến 17/4/2025 với số tiền là 392.833.000 đồng. Tổng số tiền Tàng Văn M1 phải trả cho ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M là 461.833.000 đồng.

Ý kiến trình bày của bị đơn tại bản tự khai ngày 26 tháng 01 năm 2026 thể hiện: Khoản tiền 500.000.000 đồng giữa ông với ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M không có thỏa thuận về lãi suất. Trong giấy nhận nợ ngày 28/9/2018,

Hoàng Văn T viết nhận nợ số tiền là 569.000.000 đồng, lãi suất là 1%/tháng là do Hoàng Văn T tự viết vào, khi đó Tăng Văn M1 tin tưởng, không đọc kỹ nội dung nên Tăng Văn M1 không biết trong giấy nhận nợ có lãi suất 1%/tháng và số tiền lãi chưa trả là 69.000.000 đồng. Trong bản án hình sự sơ thẩm và bản án hình sự phúc thẩm xét xử ông Tăng Văn M1 về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản số tiền 500.000.000 đồng cũng không thể hiện ông Tăng Văn M1 phải trả lãi suất. Hiện nay ông đã thi hành xong khoản tiền 500.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự và cơ quan thi hành án dân sự cũng không đề cập về vấn đề lãi suất. Do đó, ông Tăng Văn M1 không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị M.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn tại phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng, Thẩm phán đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng đúng quy định; thực hiện các biện pháp thu thập tài liệu chứng cứ đúng trình tự thủ tục; mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, tổ chức hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định. Thành phần tham gia xét xử tại phiên tòa đảm bảo theo quy định. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự, từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích đánh giá nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 116; Điều 119; Điều 274; khoản 1 Điều 275; Điều 280; Điều 357; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M, buộc Tăng Văn M1 phải trả cho ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M số tiền lãi là 461.833.000 đồng. Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 22.473.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn ông Tăng Văn M1 nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Tăng Văn M1 phải trả tiền lãi đối với số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng mà Tăng Văn M1 đã vay ông bà

từ ngày 27 tháng 10 năm 2016, gồm khoản tiền lãi trước thời điểm chốt nợ ngày 28 tháng 9 năm 2018 là 69.000.000 đồng và khoản tiền lãi sau thời điểm chốt nợ với mức lãi suất là 1%/tháng. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự Toà án xác định quan hệ tranh chấp là: Tranh chấp tiền lãi trong hợp đồng vay tài sản.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Tăng Văn M1 trước khi đi chấp hành án có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại: Thôn N, xã K, tỉnh Lạng Sơn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu tính lãi sau thời điểm chốt nợ từ ngày 01/10/2018 đến ngày 17/4/2025. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Ngày 27 tháng 10 năm 2016 ông Tăng Văn M1 đã vay ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M số tiền 500.000.000 đồng. Lãi suất tại thời điểm vay hai bên thỏa thuận theo lãi suất ngân hàng N2. Sau khi vay tiền Tăng Văn M1 không thực hiện trả tiền theo thỏa thuận mà đã thực hiện hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản với số tiền là 500.000.000 đồng và đã bị xử lý hình sự theo Bản án số 304/2025/HS-PT, ngày 17/4/2025 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Tại bản án 304/2025/HS-PT, ngày 17/4/2025 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội ngoài xử lý về trách nhiệm hình sự còn buộc bị cáo Tăng Văn M1 phải bồi thường cho ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M tổng số tiền là 500.000.000 đồng. Ngày 07/7/2025 Tăng Văn M1 đã thi hành số tiền 500.000.000 đồng cho ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M theo Biên lai thu tiền số 0005937, ngày 07/7/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn. Như vậy, khoản tiền 500.000.000 đồng mà Tăng Văn M1 lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản chính là khoản tiền nợ gốc mà ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M đang yêu cầu Tăng Văn M1 phải trả tiền lãi.

[6] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M buộc Tăng Văn M1 trả lãi đối với khoản tiền gốc 500.000.000 đồng với tổng số tiền lãi là 461.833.000 đồng, trong đó tiền lãi theo lãi suất ngân hàng tính đến thời điểm chốt nợ ngày 28/9/2018 Tăng Văn M1 chưa trả là 69.000.000 đồng; tiền lãi sau thời điểm chốt nợ tính từ ngày 01/10/2018 đến ngày 17/4/2025 với mức lãi suất 1%/tháng với tổng số tiền là 392.833.000 đồng.

[7] Đối với khoản tiền lãi 69.000.000 đồng: Nguyên đơn cho rằng đây là khoản tiền lãi hai bên thỏa thuận theo mức lãi suất ngân hàng Nhà nước nhưng Tăng Văn M1 không thực hiện theo thỏa thuận nên hai bên đã chốt nợ vào ngày 28/9/2018. Theo Giấy nhận nợ ngày 28/9/2018 thì tổng số tiền Tăng Văn M1 còn nợ là 569.000.000 đồng, trong đó có 500.000.000 đồng là tiền gốc,

69.000.000 đồng là tiền lãi. Bị đơn Tăng Văn M1 thì cho rằng khi vay tiền hai bên thoả thuận không phải trả lãi nên số tiền 69.000.000 đồng nguyên đơn yêu cầu là không có căn cứ pháp lý. Xét thấy, theo bản án số 304/2025/HS-PT, ngày 17/4/2025 của Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã nhận định “Ngày 27/10/2016 Tăng Văn M1 vay của vợ chồng Hoàng Văn T, Nguyễn Thị M số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất tính theo lãi suất ngân hàng”. Đây là tình tiết được thể hiện trong bản án có hiệu lực pháp luật nên nguyên đơn không phải chứng minh. Ngoài ra, nguyên đơn khẳng định Tăng Văn M1 ngoài vay số tiền 500.000.000 đồng không vay thêm khoản tiền nào khác. Như vậy, Giấy chốt nợ ngày 28/9/2018 thể hiện số tiền là 569.000.000 đồng thì đã bao gồm 500.000.000 đồng tiền gốc và 69.000.000 đồng tiền lãi. Như vậy, có căn cứ để chấp nhận đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền lãi tính đến ngày 28/9/2018 với số tiền là 69.000.000 đồng.

[8] Đối với khoản tiền lãi sau thời điểm chốt nợ tính từ tháng 10/2018 với mức lãi suất là 1%/tháng:

[8.1] Về mức lãi suất: Do Tăng Văn M1 không thực hiện việc trả lãi theo đúng thoả thuận nên đã dẫn đến việc chốt nợ ngày 28/9/2018. Quá trình chốt nợ thì các bên đã có sự thay đổi về mức lãi suất từ lãi suất theo lãi suất của Ngân hàng sang lãi suất là 1%/tháng đối với khoản tiền vay. Việc thay đổi đó dựa trên sự tự nguyện thoả thuận của các bên được thể hiện qua Giấy chốt nợ ngày 28/9/2018. Tăng Văn M1 cho rằng Giấy chốt nợ thể hiện lãi suất 1% là do Hoàng Văn T tự ý ghi vào nhưng Tăng Văn M1 không có căn cứ chứng minh sự gian dối trong việc thoả thuận của cả hai bên. Việc ký và điểm chỉ trên văn bản thoả thuận thể hiện quyền và nghĩa vụ của cá nhân đối với những nội dung mà mình đã xác nhận. Do đó, có căn cứ xác định các bên đã thoả thuận thay đổi mức lãi suất là 1%/tháng. Tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “1. Lãi suất do các bên thoả thuận. Trường hợp các bên có thoả thuận về lãi suất thì lãi suất theo thoả thuận không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác... Trường hợp lãi suất theo thoả thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực”. Như vậy, các bên thoả thuận mức lãi suất 1%/tháng tương đương với 12%/năm chưa vượt quá mức cho phép theo quy định của Bộ luật Dân sự nên mức lãi suất thoả thuận 1%/tháng của các bên là hợp pháp.

[8.2] Về xác định thời hạn: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 01/10/2018 đến ngày 17/4/2025. Xét thấy, các bên đã chốt nợ vào ngày 28/9/2018 với tổng số tiền là 569.000.000 đồng bao gồm tiền gốc, tiền lãi và thoả thuận lãi suất là 1%/tháng. Ngày 17/4/2025 Toà án nhân dân cấp cao xét xử phúc thẩm và ban hành bản án số 304/2025/HS-PT buộc Tăng Văn M1 phải trả lại cho ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M số tiền gốc 500.000.000 đồng. Như vậy, thời điểm bắt đầu tính lãi suất 1%/tháng từ ngày 01/10/2018 là sau thời điểm chốt nợ ngày 28/9/2018. Còn đối với thời hạn tính lãi đến ngày 17/4/2025, là ngày bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực thi hành đối với khoản tiền nợ gốc,

khi đó bên được thi hành là ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M có quyền yêu cầu thi hành án, đồng thời khoản tiền gốc này sẽ được tính lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự. Do đó, xác định thời gian trả lãi đối với khoản nợ gốc 500.000.000 đồng với lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 01/10/2018 đến ngày 17/4/2025 là phù hợp.

[9] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M, buộc ông Tàng Văn M1 có trách nhiệm trả cho ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M số tiền lãi của khoản vay 500.000.000 đồng tính đến ngày chốt nợ (ngày 28/9/2018) là 69.000.000 đồng và tiền lãi sau thời điểm chốt nợ tính từ tháng 01/10/2018 đến 17/4/2025 là 78 tháng 17 ngày, cụ thể: $500.000.000 \text{ đồng} \times 1\% \times 78 \text{ tháng} 17 \text{ ngày} = 392.833.000 \text{ đồng}$ (đã làm tròn số). Tổng số tiền lãi ông Tàng Văn M1 phải trả cho ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M là 461.833.000 đồng.

[10] Về án phí: Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 22.473.000 đồng (đã làm tròn số). Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền án phí 12.225.000 đồng mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai số 0000004, ngày 05/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Lạng Sơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; 92; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 244; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M. Buộc bị đơn ông Tàng Văn M1 có nghĩa vụ trả cho ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M số tiền lãi tính đến thời điểm chốt nợ ngày 28/9/2018 là 69.000.000đ (Sáu mươi chín triệu đồng) và tiền lãi sau thời điểm chốt nợ tính từ tháng 01/10/2018 đến 17/4/2025 là 78 tháng 17 ngày, cụ thể: $500.000.000 \text{ đồng} \times 1\% \times 78 \text{ tháng} 17 \text{ ngày} = 392.833.000\text{đ}$ (Ba trăm chín mươi hai triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng) (đã làm tròn số). Tổng số tiền lãi ông Tàng Văn M1 phải trả cho ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M là 461.833.000đ

(Bốn trăm sáu mươi một triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Bị đơn ông Tăng Văn M1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 22.473.000đ (Hai mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn đồng) (đã làm tròn số). Hoàn trả cho các nguyên đơn ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M số tiền tạm ứng án phí 12.225.000đ (Mười hai triệu hai trăm hai mươi năm nghìn đồng) mà các nguyên đơn đã nộp theo biên lai số 00000004, ngày 05/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

3. Về quyền kháng cáo: Các nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 5- Lạng Sơn;
- Phòng THADS khu vực 5 - Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lành Thị Vệ